

Phụ lục 110
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐỨC AN

I. Bảng giá nhóm đất nông nghiệp

1. Đất trồng cây hằng năm; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản:

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Loại đất	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)	83	66	54	44
2	Đất trồng cây lâu năm	130	90	64	50
3	Đất rừng sản xuất	24	21	18	15
4	Đất nuôi trồng thủy sản	42	35	29	25

2. Đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng: Giá đất được xác định bằng 80% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí.

3. Đất chăn nuôi tập trung: Giá đất được xác định bằng 110% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

4. Đất nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng 120% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

5. Đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở: Giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất đang sử dụng, cùng vị trí, nhưng mức giá tối đa không cao hơn giá đất phi nông nghiệp tại vị trí của thửa đất nông nghiệp đó; trường hợp theo quy định không xác định được loại đất nông nghiệp đang sử dụng thì xác định theo loại đất của diện tích đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất (chọn theo loại đất có diện tích lớn nhất và theo thứ tự nếu không xác định được theo diện tích liền kề thì xác định theo diện tích đất gần nhất).

II. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp:

1. Đất ở:

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Quốc lộ 14	
	Từ giáp ranh giới xã Thuận Hạnh cũ đến ngã ba Đức An (trạm Y tế mới)	1.054
	Từ ngã ba Đức An (trạm Y tế mới) đến hết trường mẫu giáo Hoa Sen (trạm Y tế cũ)	1.050
	Từ hết trường mẫu giáo Hoa Sen (trạm Y tế cũ) đến cây xăng ông Diệm	1.851
	Từ cây xăng ông Diệm đến hết trụ sở đoàn 505	4.105
	Từ hết trụ sở đoàn 505 đến giáp ranh giới thị trấn Đức An	3.062

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ ranh giới thị trấn cũ và xã Nam Bình cũ đến cổng huyện đội cũ	
	- Phía đông (trái)	2.101
	- Phía tây (phải)	1.265
	Từ cổng huyện đội cũ đến dịch vụ công	
	- Phía đông (trái)	4.653
	- Phía tây (phải)	4.429
	Từ dịch vụ công đến hết trụ sở Ngân hàng nông nghiệp	
	- Phía đông (trái)	7.800
	- Phía tây (phải)	6.822
	Từ hết trụ sở Ngân hàng nông nghiệp đến đường vào xã Thuận Hà cũ (Kiểm lâm)	7.896
	Từ đường vào xã Thuận Hà cũ (Kiểm lâm) đến Km 809	4.871
	Từ Km 809 đến giáp ranh giới xã Nam N'Jang cũ	1.501
2	Quốc lộ 14C	
	Từ ngã ba Đức An Quốc lộ 14C đến Quốc lộ 14C Km 0 + 300m	1.456
	Từ Quốc lộ 14C Km 0 + 300m đến cầu Thuận Hà	1.310
3	Đường Tỉnh lộ 686	
	Từ ranh giới xã Nam N'Jang cũ đến hết nhà thờ Bu Roá	608
	Từ hết nhà thờ Bu Róa đến Hội trường thôn 7 cũ	651
	Từ Hội trường thôn 7 cũ đến hết Bưu điện	871
	Từ hết Bưu điện đến ngã ba Công ty cà phê Đắk Nông	715
	Từ ngã ba Công ty cà phê Đắk Nông đến giáp xã Đắk Búk So cũ	293
4	Đường Tỉnh lộ 682	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 (ngã ba rừng lạnh) đến Km 0 + 450m	1.134
	Từ Km 0 + 450 m đến ranh giới xã Đắk Hòa cũ	740
5	Đường xuống đập Đắk Rlong	
	Từ Km 0 (ngã ba Bưu điện) đến ngã ba nhà ông Lê Văn Quyền	1.855
	Từ ngã ba nhà ông Lê Văn Quyền đến xuống đập Đắk Rlong	484
6	Đường hành chính	
	Từ Chi cục thuế (Quốc lộ 14) đến Quốc lộ 14 (giáp Viện kiểm sát)	674
	Từ Huyện ủy (Quốc lộ 14) đến đường khu hành chính	1.285
	Từ Kho bạc (Quốc lộ 14) đến đường khu hành chính	1.285
7	Đường đi thôn 10 (Đắk N'Drung)	
	Từ Quốc lộ 14 đến ranh giới xã Đắk N'Drung cũ	1.324
8	Đường vào thôn 6 (Ma Nham - Trung tâm y tế)	
	Từ Km 0 (Quốc lộ 14) đến hết Bệnh viện	2.080
	Từ hết Bệnh viện đến ranh giới xã Nam Bình cũ	1.125
	Từ ngã ba đi thôn 6 (nhà ông Việt) đến ranh giới thị trấn Đức An cũ	435
9	Khu tái định cư (trước cổng huyện đội) các trục đường chính	1.077
10	Khu tái định cư (sau cổng huyện đội) các trục đường chính	1.329
11	Đường số 2 sau UBND xã Đức An	683
12	Đường đi xã Thuận Hà cũ	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 (Hạt Kiểm lâm) đến hết sân bóng Phương Loan	837
	Từ hết sân bóng Phương Loan đến đường nối ranh giới tổ 3 cũ, tổ 4 cũ	677
13	Đường vào đài phát thanh và truyền hình	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 (đài phát thanh và truyền hình) đến Giáo xứ Hòa Tiến	910
	Đoạn đường còn lại của đường vào đài phát thanh truyền hình	473
14	Khu dân cư phía Nam sát UBND xã Đức An	676

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
15	Đường vào khu nhà công vụ giáo viên	
	Từ Km 0 - Quốc lộ 14 đến nhà ông Đoàn Thế Dự	829
16	Đường vào xưởng cưa nhà ông Vũ Duy Bình	
	Từ Km 0 - Quốc lộ 14 đến xưởng cưa nhà ông Vũ Duy Bình	1.092
17	Ranh giới giữa tổ 3 và tổ 4	
	Từ Km 0 - Quốc lộ 14 đến ranh giới thị trấn cũ	490
18	Đường nối	
	Từ Trường Tiểu học Chu Văn An đến ngã ba nhà ông Lê Văn Quyền	745
19	Lô 2 thuộc khu dân cư tổ dân phố 6 cũ	1.309
20	Lô 2 thuộc khu dân cư bến xe	1.869
21	Đường vào khối dân vận	
	Từ Km 0 Quốc lộ 14 (ngã ba đường vào khối dân vận) đến nhà ông Vũ Mạnh Đỉnh	1.311
22	Đường vành đai phía Tây	577
23	Đường vành đai phía Đông	580
24	Đường liên xã	
	Từ ngã ba đường nhà ông Tài đến hết cây xăng Cường Thảo	1.911
	Từ hết cây xăng Cường Thảo đến hết ranh giới xã Nam Bình cũ	881
	Từ ngã ba vào UBND xã Nam Bình cũ đến cộng thêm 250m	1.370
	Từ cộng thêm 250m đến đường đi thôn 6	898
	Từ ngã ba cầu Long Quý đến hết ranh giới xã Nam Bình cũ	300
25	Các trục đường của khu cấp cho cán bộ (thôn 10 + thôn 11)	1.122
26	Đường liên xã Đắc N'Drung - Nam Bình	
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 686 đến hết Trường THCS Lý Thường Kiệt	910
	Từ hết Trường THCS Lý Thường Kiệt đến ranh giới xã Nam Bình cũ	557
27	Đường liên xã Đắc N'Drung - Năm N'Jang	
	Từ ngã ba Tỉnh lộ 686 đến hết Trường THPT Phan Đình Phùng - Đức An	529
	Từ hết Trường THPT Phan Đình Phùng - Đức An đến ranh giới xã Năm N'Jang cũ	628
28	Đường liên xã Đắc N'Drung - Thuận Hà	
	Từ ngã ba Công ty cà phê đến ngã ba nhà ông Trọng	889
	Từ ngã ba nhà ông Trọng đến ranh giới xã Thuận Hà cũ	407
29	Đường đi thôn 10	
	Từ ranh giới xã Năm N'Jang cũ đến Tỉnh lộ 686	281
30	Đường đi thôn 7 cũ	
	Từ Trạm y tế đến ngã ba nhà Hiền Loan	275
31	Đất ở khu dân cư còn lại (thị trấn Đức An cũ)	190
32	Đất ở các khu dân cư còn lại (xã Nam Bình cũ)	171
33	Đất ở khu dân cư còn lại (xã Đắc N'Drung cũ)	159

2. Đất thương mại, dịch vụ (TMDV); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (CSSXPNN); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (HDKS):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất TMDV	Giá đất CSSXPNN	Giá đất HDKS
1	Quốc lộ 14			
	Từ giáp ranh giới xã Thuận Hạnh cũ đến ngã ba Đức An (Trạm Y tế mới)	843	738	738